

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)
Môn Học Khoa học môi trường (212110-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH			✓	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	10224102	VÔ THỊ NGUYỆT ANH			✓	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	10224132	NGUYỄN VĂN LIÊU	1	<i>anh</i>	7	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	10224138	HUỖNH CHIẾN NHÂN			✓	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	10224144	NGUYỄN THỊ NỖ			✓	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO			✓	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	10224167	TRẦN VĂN THIÊN			✓	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 02 tháng 4 năm 2012

Lê Minh Chung

TS. Lê Quốc Tuấn

Hồ Thanh Bô

TS. Lê Quốc Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI
Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)
Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-20)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH			✓	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH			✓	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
3	10224132	NGUYỄN VĂN LIẾU	1	<i>Liêu</i>	6	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
4	10224138	HUYỀN CHIẾN NHÂN			✓	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
5	10224144	NGUYỄN THỊ NỖ			✓	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
6	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO			✓	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
7	10224167	TRẦN VĂN THIỆN			✓	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)

Môn Học: Toán cao cấp C2 (202115-15)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên											
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH			✓	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH			✓	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	10224103	TRẦN VIỆT BĂNG	1	<i>Nguyen</i>	5,0	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	10224115	NGUYỄN VĂN HÂN	1	<i>Nguyen</i>	5,0	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	10224119	NGUYỄN VĂN HÒA	1	<i>nguyen</i>	5,0	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	10224126	NGÔ MINH KHA	1	<i>Nguyen</i>	5,0	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	10224132	NGUYỄN VĂN LIÊU	1	<i>Nguyen</i>	5,0	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	10224134	HUỖNH VĂN MẾN	1	<i>Nguyen</i>	5,0	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	10224137	TRỊNH THANH NHÂN	1	<i>Nguyen</i>	5,0	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	10224138	HUỖNH CHIẾN NHÂN			✓	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	10224144	NGUYỄN THỊ NƠ			✓	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	10224153	NGUYỄN THANH SANG	1	<i>Nguyen</i>	5,0	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	10224162	NGUYỄN VĂN THANH	2	<i>Nguyen</i>	5,0	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO			✓	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	10224167	TRẦN VĂN THIÊN			✓	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	10224169	BÙI HỮU THUẬN	1	<i>Nguyen</i>	5,0	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	10224172	TRỊNH THẾ TOÀN	1	<i>Nguyen</i>	5,0	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	10224181	NGÔ HOÀNG VŨ	1	<i>Nguyen</i>	5,0	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Trần Minh Quang
Lý Kim Cảnh

Đặng Văn Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI
Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)
Môn Học: Xác suất thống kê (202121-30)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ chấm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH			✓	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH			✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10224111	NGUYỄN HỮU HẢO	1		3	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10224117	NGUYỄN THANH HIẾU			✓	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10224119	NGUYỄN VĂN HÒA	1		5	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10224121	NGUYỄN TẤN HỒNG	1		5	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10224132	NGUYỄN VĂN LIÊU	1		4	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10224133	TRẦN VĂN MAO	1		5	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10224137	TRỊNH THANH NHÀN	1		4	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10224138	HUYỀN CHIẾN NHÀN			✓	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10224142	ĐẶNG VĂN NHỰT	2		1	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10224144	NGUYỄN THỊ NƠ			✓	12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10224151	HỒ HỮU PHƯỚC	1		1	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10224158	HUYỀN VĂN TÂN	1		1	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10224163	BÙI NHỰT THÀNH	1		1	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO			✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10224167	TRẦN VĂN THIÊN			✓	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10224171	PHAN BẢO TOÀN	1		1	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10224172	TRỊNH THẾ TOÀN	1		4	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10224174	MAI VĂN TRIẾT	1		1	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Nguyễn Minh Quang
Nguyễn Kim Sinh

Nguyễn Văn Hải
Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Văn Hải
Nguyễn Văn Hải